

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2020

V/v ly hôn giữa chị L và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yến;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1990 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Hồng V, sinh năm 1982 “vắng mặt”

Nơi ĐKKHKT : Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cải tạo tại Trại giam tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày: Chị và anh Dương Hồng V đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh V ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

anh V không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè nghiện hút Ma túy. Hiện nay anh V đang cải tạo tại Trại giam tỉnh Phú Thọ. Từ năm 2011 vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Dương Bảo Nam, sinh năm 2010. Do không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có.

- *Tại bản tự khai, bị đơn anh Dương Hồng V trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Nay chị L xin ly hôn anh không muốn ly hôn, đợi anh chấp hành án xong về thì giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Cháu hiện vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho chị L được ly hôn anh V.

Về con chung, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ V bản tố tụng cho các đương sự, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Dương Hồng V đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị L và anh V

là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V chơi bời, không tu chí làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình nên chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và tha thiết xin ly hôn. Anh V không muốn ly hôn với chị L nhưng cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện nay anh đang cải tạo tại Trại giam tỉnh Phú Thọ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh V.

Về con chung, tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị L và anh Dương Hồng V.

2. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị L đã nộp đủ tại biên lai thu số AA/2017/0004467 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Báo cho đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Y, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

